

# CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Lê Anh Tuấn

Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu – Đại học Cần Thơ

## TÓM TẮT

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) được xem là khu vực dễ bị tổn thương do những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) do đặc điểm nằm ở cuối nguồn của một lưu vực sông lớn, tiếp giáp hai mặt với cả Biển Đông và Vịnh Thái Lan. Đồng bằng là nơi có địa hình rất thấp và bằng phẳng, có nhiều hệ sinh thái nước khác nhau về động thái, rất đa dạng về sinh học và sinh kế với xấp xỉ 18 triệu cư dân mà phần lớn nguồn sống của họ chủ yếu là canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ liên quan.

Nhiều chính sách liên quan đến giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đã được các nơi triển khai, các đánh giá bước đầu các giải pháp này hoàn toàn phù hợp với những thay đổi tự nhiên và các biến động thời tiết, giúp cải thiện sinh kế, thu nhập và giảm thiểu rủi ro. Văn bản pháp lý cao nhất liên quan đến chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu của Việt Nam là Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở của công văn này, chính quyền các tỉnh ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã lần lượt cho ra đời các Ban Chỉ đạo Chương trình Ứng phó với Biến đổi Khí hậu để xây dựng các kế hoạch hành đồng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện quá trình lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trên cơ sở của công văn này, chính quyền các tỉnh ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã lần lượt cho ra đời các Ban Chỉ đạo Chương trình Ứng phó với Biến đổi Khí hậu để xây dựng các kế hoạch hành đồng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện quá trình lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Có thể kể ra các mô hình canh tác chuyển đổi từ độc canh cây lúa sang các hình thức canh tác bền vững hơn trên nền lúa như mô hình lúa - cá, lúa - tôm, lúa - sen, lúa - màu, lúa - cây ăn trái,... đồng thời kết hợp với chế biến nông sản, làm du lịch. Đây là các mô hình chuyển đổi canh tác rất thuận tiện, theo hướng bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh thái và ứng phó hiệu quả với các biến động khí hậu, rất hợp lý với tinh thần Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ.

Các tiếp cận để thích nghi với hiểm họa thiên nhiên của thế giới hiện nay là “thích nghi và chuyển đổi dần theo theo gian trong bối cảnh có nhiều yếu tố bất định”, đặc biệt là thích ứng dựa vào hệ sinh thái (*Ecosystem-based Adaptation - EbA*) và thích ứng dựa vào các giá trị, cơ chế và kiến thức (*Values, Rules and Knowledge - VRK*) của cộng đồng trong tiến trình ra quyết định. Theo cách đó, trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản, cần theo trình tự: (i) tìm các giải pháp khoa học-kỹ thuật sản xuất và hệ thống canh tác thích nghi; (ii) kết hợp giải pháp công trình nhỏ để ít đầu tư và quản lý linh hoạt; (iii) chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp; và (iv) đầu tư công trình lớn hơn để quản lý rủi ro và chấp nhận hy sinh một số yếu tố môi trường - sinh thái. Điều này hoàn toàn thuận tiện, giảm bớt sự can thiệp thô bạo vào thiên nhiên và tránh được khả năng “hối tiếc” về sau do những yếu tố bất định của một thế giới đang trong thay đổi nhanh chóng.

Từ khóa: *Biến đổi khí hậu; Đồng bằng sông Cửu Long, Nghị quyết 120/NQ-CP; Phát triển bền vững; Thích ứng*

## **1. TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐBSCL**

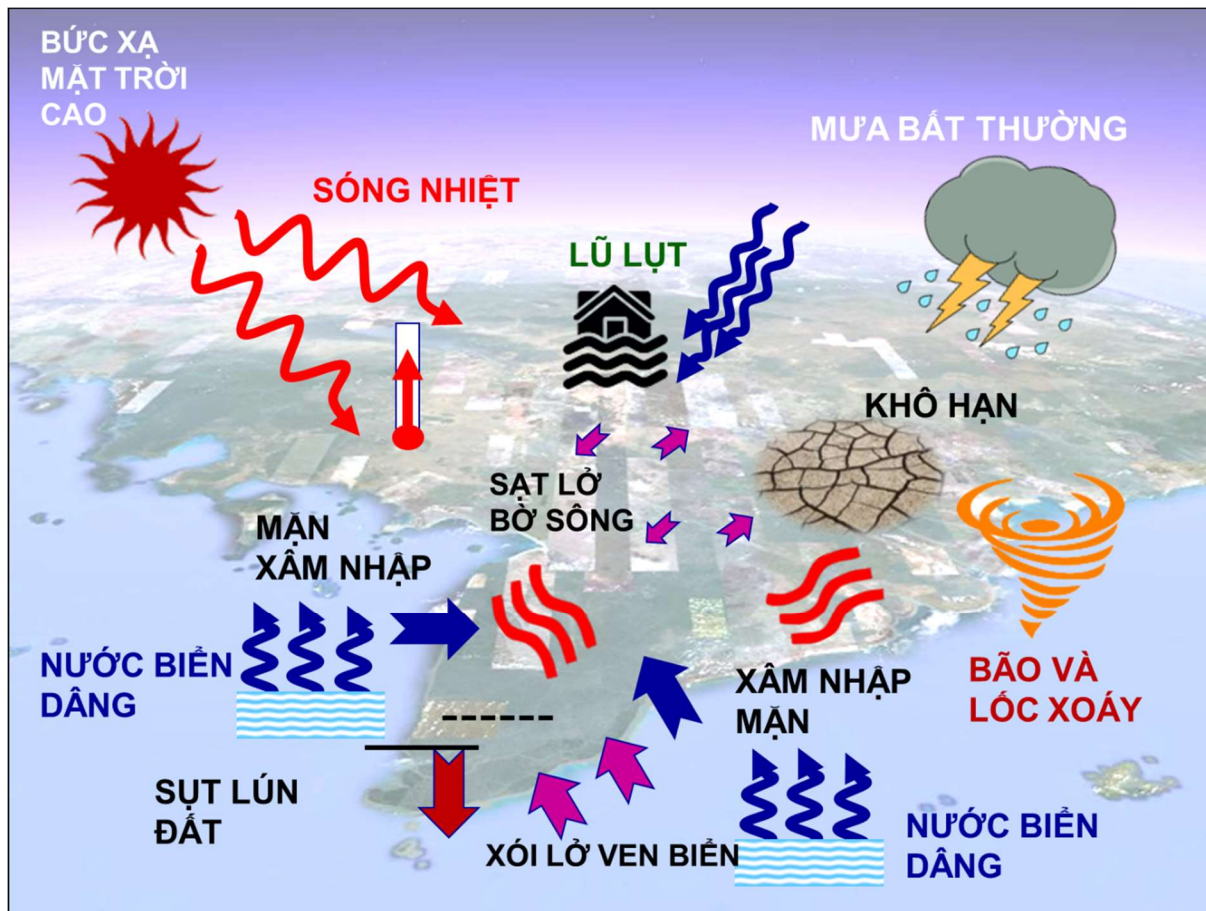
Vùng ĐBSCL, rộng 4 triệu ha đất tự nhiên, là nơi cư trú và sản xuất của gần 20 triệu người Việt Nam, mỗi năm đóng góp khoảng 27 - 28 triệu tấn lương thực và thực phẩm, gồm lúa gạo, tôm cá, trái cây và rau củ cho cả nước, bảo đảm an ninh lương thực và đóng góp một phần đáng kể cho xuất khẩu ra thế giới. Do đặc điểm nằm ở hạ lưu cuối cùng của hệ thống sông Mekong, vùng ĐBSCL có địa hình rất thấp và phẳng, cao độ trung bình phổ biến ở mức 1,2 - 1,5 m so với mực trung bình của nước biển. Vùng đồng bằng có một hệ thống sông rạch chằng chịt liên kết nhau và cùng đổ ra Biển Đông và biển Tây. Với hai mặt giáp biển với tổng chiều dài vùng ven biển là hơn 600 km nên tác động của các dao động biển lên đồng bằng rất lớn. Vùng đồng bằng hiện đang chịu hai tác động dòng chảy, dòng chảy của sông Mekong từ thượng nguồn đổ về và dòng triều do tác động biển xâm nhập vào đất liền. Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 là thời gian vùng Đồng bằng bị ngập lũ, còn từ tháng 1 đến tháng 4 là thời đoạn vùng Đồng bằng bị tác động mạnh mẽ của hiện tượng xâm nhập mặn và khô hạn.

Hiện tượng nóng lên toàn cầu hiện vẫn tiếp tục tiếp diễn ngày càng nghiêm trọng hơn và chưa có dấu hiệu gì giảm bớt mặt dầu đã có nhiều cảnh báo từ các nhà khoa học và các tổ chức xã hội - dân sự. Hệ quả của hiện tượng nóng lên toàn cầu là sự tan băng và nước biển dâng khiến nhiều vùng đất thấp sẽ bị ngập chìm và xâm nhập mặn. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu đã từng cảnh báo vùng ĐBSCL là một trong ba vùng đồng bằng ven biển sẽ bị tác động nghiêm trọng nhất do biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên cộng đồng dân cư so với các nơi khác trên thế giới. Theo phỏng đoán từ nay đến cuối thế kỷ này, trường hợp mực nước biển trung bình dâng lên từ 50 - 70 cm, sẽ có ít nhất 25% diện tích đất nông nghiệp vùng ven biển ĐBSCL sẽ bị chìm ngập và khoảng 75% diện tích canh tác hiện nay sẽ bị nhiễm mặn mùa khô và khoảng 40-50% diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng của nước mặn ngay cả trong mùa mưa, khó có thể trồng lúa được. Ngoài ra, sự bất thường về lượng mưa, nhiệt độ không khí và các bất thường của thời tiết sẽ gây thêm những thử thách lớn cho khu vực (Hình 1). Sự bất thường của thiên nhiên sẽ gây nên những tổn thất về năng suất và sản lượng hoặc làm gia tăng chi phí đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

Với mức độ gia tăng về tần suất và cường độ các hiện tượng thời tiết cực đoan đến khu vực sẽ làm gia tăng mối đe dọa an ninh lương thực và tạo nên những biến động tiêu cực lên nông thôn như hiện tượng suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên, thu hẹp diện tích canh tác và cư trú. Nông dân, ngư dân, diêm dân và thị dân nghèo sẽ là đối tượng chịu nhiều tổn thương nặng nề do thiếu nguồn dinh dưỡng tối thiểu, thiếu sự sở hữu tài nguyên, thiếu khả năng tài chính, thiếu điều kiện tiếp cận thông tin để có thể đối phó kịp thời với sự thay đổi thời tiết - khí hậu. Dự kiến sẽ có dịch chuyển dòng di cư của nông dân ở các vùng ven biển bị tác động nặng nề do biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên các đô thị. Điều này khiến các kế hoạch quy hoạch đô thị bị phá vỡ, trật tự xã hội sẽ là một thử thách, môi trường đô thị sẽ bị xấu đi do sự gia tăng cơ học về dân số.

Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC, 2007) đã đánh giá vùng ĐBSCL ở Việt Nam là một trong ba đồng bằng lớn trên thế giới chịu nhiều tác động bất lợi và tổn thương do biến đổi khí hậu lên cuộc sống và sinh kế của người dân. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và những tác động về vấn đề nguồn nước xuyên biên giới đang và sẽ là những thử thách rất lớn

uy hiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến nền nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long có thể bị mất bền vững. Các nhà quản lý vĩ mô cần phải sớm nhận thức các nguy cơ này và phải có những đối sách hợp lý cho vấn đề.



Hình 1: Các yếu tố nguy cơ từ biến đổi khí hậu và thay đổi nguồn nước đến vùng ĐBSCL (Nguồn: Lê Anh Tuấn, 2017)

## 2. KIỂM KÊ CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Nhằm đối phó, giảm thiểu những hiểm họa, thách thức và hậu quả từ BĐKH, Liên Hợp Quốc đã kêu gọi toàn thể giới đoàn kết, chung lòng để cùng nhau tổ chức thực hiện hiệu quả Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu đã được chính phủ Việt Nam phê chuẩn ngày 16/11/1994, Nghị định thư Kyoto về ứng phó với BĐKH toàn cầu, được phê chuẩn ngày 25/9/2002. Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn các cam kết quốc tế này, đồng thời đã sớm chỉ đạo nghiên cứu xây dựng và ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH. Với các kết quả dự báo về nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề do BĐKH, thì các tỉnh, thành của vùng ĐBSCL đã được chọn ưu tiên triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Từ năm 2005, sau khi Nghị định thư Kyoto có hiệu lực, một số chính sách, pháp luật trực tiếp liên quan đến biến đổi khí hậu được ban hành như Chỉ thị số 35 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu; nghị quyết số 60 của Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (năm 2007), chương trình

mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (năm 2008), chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu (năm 2011), chiến lược quốc gia về Tăng trưởng Xanh (năm 2012).

Các bảng 1 đến bảng 4 là các kiểm kê các văn bản liên quan đến thể chế, chính sách liên quan đến các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, áp dụng cho toàn Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng.

**Bảng 1: Các công ước quốc tế có sự ký kết phê duyệt tham gia của Việt Nam**

TT	Tên văn bản pháp lý quốc tế	Năm công bố	Tham gia của Việt Nam
1	Công ước Khung của Liên Hiệp Quốc về Biến đổi Khí hậu (United Nations Framework Convention on Climate Change, UNFCCC)	Công bố 4/6/1992 Hiệu lực 21/3/1994	Tham gia 1/6/1992 Phê chuẩn 16/11/1994
2	Nghị định thư Kyoto (Kyoto Protocol)	Công bố 11/12/1997 Hiệu lực 16/2/2005	Tham gia 2/12/1998 Phê chuẩn 25/9/2002

**Bảng 2: Các Nghị quyết của Đảng CSVN liên quan biến đổi khí hậu**

TT	Tên Nghị quyết	Số Nghị quyết	Thời gian công bố
1	Nghị quyết của Trung ương về việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	24/NQ-TW	03/06/2013

**Bảng 3: Các Chỉ thị, Quyết định của Chính phủ liên quan biến đổi khí hậu**

TT	Tên Chỉ thị, Nghị quyết	Số văn bản	Thời gian công bố
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ V/v Ban hành “Định hướng Chiến lược Phát triển Bền vững ở Việt Nam”	153/QĐ-TTg	17/08/2004
2	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH.	35/2005/CT-TTg	17/10/2005
3	Công văn của Văn phòng Chính phủ thông báo việc PTT Thường trực Nguyễn Sinh Hùng giao Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, cập nhật và xử lý các thông tin về BĐKH, nước biển dâng; đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức thế giới về BĐKH để nghiên cứu xây dựng chương trình hành động thích ứng với BĐKH và nước biển dâng tại Việt Nam	1754/VPCP-NN	03/4/2007
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.	172/2007/QĐ-TTg	16/11/2007

TT	Tên Chỉ thị, Nghị quyết	Số văn bản	Thời gian công bố
	Nghị quyết của Chính phủ “Giao cho Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia đối phó với việc biến đổi khí hậu toàn cầu, kêu gọi sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế cho Chương trình này và trình Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2008”;	60/2007/NQ-CP	03/12/2007
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.	158/2008/QĐ-TTg	02/12/2008
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	447/2010/QĐ-TTg	08/04/2010
7	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí đánh giá dự án ưu tiên theo chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH.	1719/QĐ-TTg	04/10/2011
8	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.	2139/QĐ-TTg	05/12/2011
9	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH giai đoạn 2012-2015.	1183/QĐ-TTg	30/8/2012
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.	1393/QĐ-TTg	25/9/2012
11	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020.	1474/QĐ-TTg	05/10/2012
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt “Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”	256/QĐ-TTg	02/12/2003
13	Nghị quyết của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	08/NQ-CP	23/01/2014
11	Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu	120/NQ-CP	17/11/2017

**Bảng 4: Thông tư, Quyết định, Văn bản của các Bộ, ngành liên quan biến đổi khí hậu**

TT	Tên Thông tư, Quyết định, Văn bản	Số văn bản	Thời gian công bố
1	Quyết định của Bộ Nông Nghiệp – Khoa học công nghệ về việc ban hành Khung Chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2008-2020.	2730/QĐ-BNN-KHCN	05/9/2008
2	Thông báo của Bộ Tài chính về việc đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH năm 2010 và xây dựng phương án phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương	192/TB-BTC	29/6/2009
3	Quyết định của Bộ Công thương về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.	4103/QĐ-BCT	03/8/2010
4	Quyết định của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2011-2015.	2418/QĐ-BTNMT	20/12/2010
5	Quyết định của Bộ NN&PTNT ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2050.	543/QĐ-BNN-KHCN	23/03/2011
6	Quyết định của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 – 2015.	199/QĐ-BGTVT	26/01/2011
7	Công văn của Bộ Tài nguyên Môi trường – Viện Khí tượng Thủy văn Biển đổi khí hậu về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó BĐKH giai đoạn 2013-2015.	3761/BTNMT-KTTVBĐKH	05/10/2012
8	Công văn của Bộ Tài nguyên Môi trường – Viện Khí tượng Thủy văn Môi trường về việc cung cấp kết quả cập nhật Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam.	1964/BTNMT-VKTTVMT	13/6/2012
9	Quyết định của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc Phê duyệt các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH giai đoạn 2012-2015.	1651/QĐ-BTNMT	05/09/2013
10	Quyết định của Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng, giai đoạn 2014 - 2020.	209/QĐ-BXD	04/03/2014
11	Công văn của Bộ Tài nguyên Môi trường – Viện Khí tượng Thủy văn Biển đổi khí hậu về việc Hướng dẫn cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.	990/BTNMT-KTTVBĐKH	29/03/2014
12	Quyết định của Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với	819/QĐ-BNN-KHCN	14/3/2016

TT	Tên Thông tư, Quyết định, Văn bản	Số văn bản	Thời gian công bố
	BĐKH ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050.		
13	Quyết định của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2016-2020.	1456/QĐ-BGTVT	11/5/2016
14	Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia.	08/2016/TT.BTNMT	16/5/2016

### 3. CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐBSCL

Tuy là một vùng nông nghiệp năng động có giá trị đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc dân nhưng cuộc sống người nông dân và ngư dân ở đây còn thấp và bấp bênh do chịu nhiều rủi ro tiềm ẩn từ sự tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang và sẽ diễn biến khá phức tạp. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng có thể làm thu hẹp diện tích canh tác, làm giảm năng suất và sản lượng nông sản. Điều tệ hại này không chỉ gây bất lợi cho an ninh nguồn nước quốc gia mà còn có thể đe dọa sự phát triển hiện nay ở vùng châu thổ trở nên thiếu bền vững. Việc tạo dựng các chính sách thích hợp để có thể thích ứng với sự thay đổi của khí hậu trong tương lai và lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có ý nghĩa lớn.

Đối với sản xuất nông nghiệp, cần phải có những điều chỉnh lịch thời vụ kịp thời, đẩy mạnh nghiên cứu tìm ra các giống cây con mới có thể chịu đựng khô hạn, nhiễm mặn tốt hơn. Trong canh tác nông nghiệp, biện pháp tưới tiết kiệm nước sẽ là một giải pháp giúp nông dân giảm chi phí sản xuất và phù hợp với sự suy kiệt nguồn nước. Bên cạnh đó, các biện pháp công trình trữ nước, thu gom nước mưa, phục hồi nước ngầm, bảo tồn các vùng đất ngập nước, nạo vét củng cố hệ thống kênh mương nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng nước, xây dựng và khai thác các nguồn năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối, dòng chảy) nhằm phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra, nên có những tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và các nhà quản lý, tập huấn phương pháp lồng ghép biến đổi khí hậu và kế hoạch phát triển của địa phương.

Sớm nhận thức các nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, chính quyền và cộng đồng các nhà khoa học Việt Nam đã có những cảnh báo, kiến nghị và đề xuất để có những chính sách cần thiết nhằm ứng phó, cả bao gồm giảm thiểu và thích ứng, với tình trạng nóng lên toàn cầu ảnh hưởng đến Việt Nam, đặc biệt là vùng ĐBSCL, xem đó là mối đe dọa lớn cho an ninh lương thực và sinh kế của người dân. Nhiều văn bản chính thức cấp Nhà nước và địa phương đã ban hành để làm cơ sở pháp lý để các cấp địa phương thực thi.

Công văn số 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 02/12/2008 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu là văn bản quan trọng cho việc triển khai các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Có 4 nội dung chính của Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể là: (1)

*Đánh giá tác động của BĐKH đối với các lĩnh vực, ngành và địa phương trong từng giai đoạn; (2) Xây dựng được KHHĐ có tính khả thi để ứng phó hiệu quả với BĐKH cho từng giai đoạn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước; (3) Tận dụng các cơ hội phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp; và (4) Cùng cộng đồng Quốc tế trong nỗ lực giảm nhẹ BĐKH, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.*

Ngày 17/11/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 120/NQ-CP về việc phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH như một chiến lược mang tính chính sách giúp ĐBSCL định vị lại quá trình phát triển và kích hoạt các hoạt động theo tinh thần “thuận thiên”, thể hiện ở 4 quan điểm chỉ đạo:

**a) Kiến tạo phát triển bền vững, thịnh vượng, trên cơ sở chủ động thích ứng, phát huy tiềm năng, thế mạnh, chuyển hóa những thách thức thành cơ hội để phát triển, bảo đảm được cuộc sống ổn định, khá giả của người dân cũng như bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng bảo vệ đất, nước và đặc biệt là con người.**

**b) Thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là sản xuất lúa sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển mạnh mẽ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp không chỉ để bảo đảm an ninh lương thực mà còn có giá trị dinh dưỡng cao, phục vụ công tác phòng, chữa bệnh tạo nên những thương hiệu nổi tiếng.**

**c) Tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên; chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn; nghiên cứu, xây dựng các kịch bản và có giải pháp ứng phó hiệu quả với thiên tai như bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn, với các tình huống bất lợi nhất do biến đổi khí hậu và phát triển thương nguồn sông Mê Công. Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, giải quyết an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích sự tham gia của tất cả các bên liên quan, bảo đảm sự gắn kết hữu cơ trong nội vùng cũng như sự liên kết chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Tiểu vùng sông Mê Công.**

**d) Phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long vì lợi ích chung của đất nước, Tiểu vùng sông Mê Công và quốc tế và là sự nghiệp của toàn dân, khuyến khích, huy động tất cả các tầng lớp, thành phần xã hội, các đối tác quốc tế và doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển.**

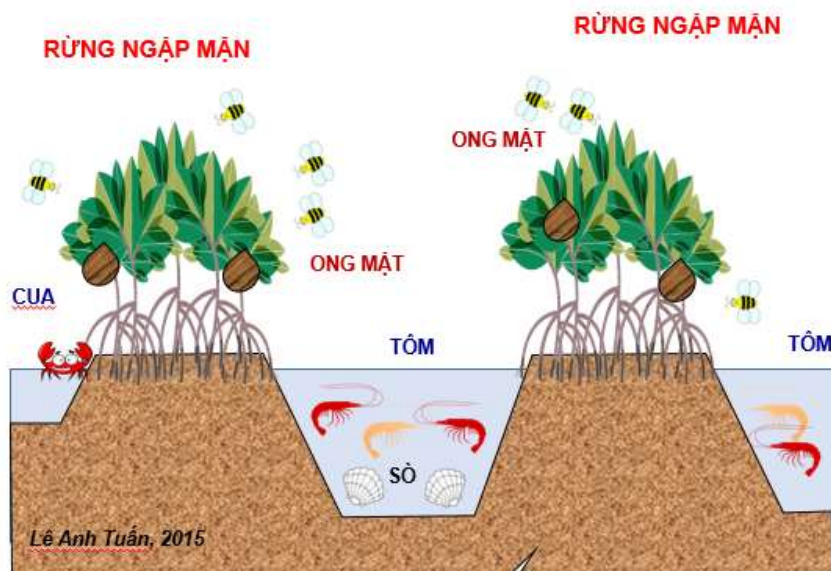
#### **4. CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT “THUẬN THIÊN” THÍCH ỨNG BĐKH**

Hơn 2 thập kỷ qua, nhiều dự án tiếp cận thích ứng và giảm nhẹ BĐKH theo hướng phi công trình và công trình. Trong những năm gần đây, thông qua tập huấn kỹ thuật, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thì các dự án phi công trình cũng đã cải thiện lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia về BĐKH. Các dự án phân bố rộng phù hợp với yếu tố sinh thái vùng gò m, sinh kế liên quan đến nông lâm ngư nghiệp ven biển gắn với sinh thái rừng ngập mặn; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, canh tác lúa, các nghề tiểu thủ công nghiệp khác gắn với hệ sinh thái nước ngọt. Bước đầu các phương án công trình tập trung chính vào bảo vệ sinh kế như công trình trữ nước ngọt ở các vùng trũng, bảo vệ cơ sở hạ tầng, nhà ở khỏi tình trạng ngập lụt.... phương án này dần được cải thiện và lồng ghép để thích ứng và

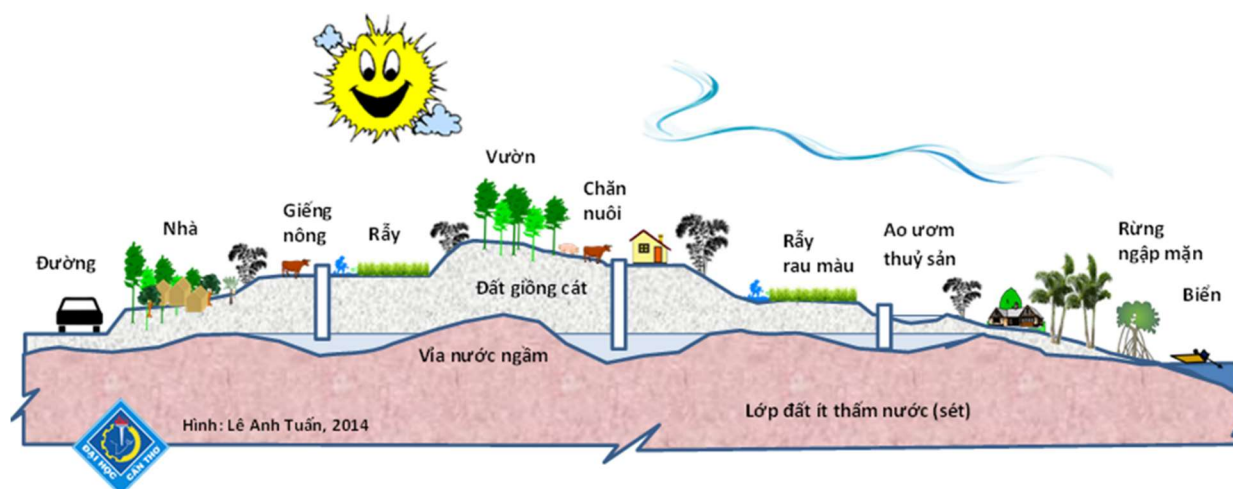


giảm nhẹ BĐKH như, nâng cấp và tôn cao nền nhà để ứng phó với nước biển dâng, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điều tiết lũ lụt trong nội đồng, lũ lụt đầu nguồn. Xa hơn các giải pháp lợi dụng tiềm năng khí hậu như phát triển năng lượng tái tạo được chú ý và phát triển. Những kiểu canh tác này chủ yếu là chuyển dần kiểu canh tác độc canh lúa từ 2-3 vụ sang những kiểu canh tác đa canh trên cả 3 vùng sinh thái nước ngọt, nước lợ và nước mặn, tạo giá trị lợi nhuận cao hơn nhưng vẫn duy trì ít nhất 1 vụ lúa căn bản vào mùa mưa. Có thể kể ra vài mô hình như sau:

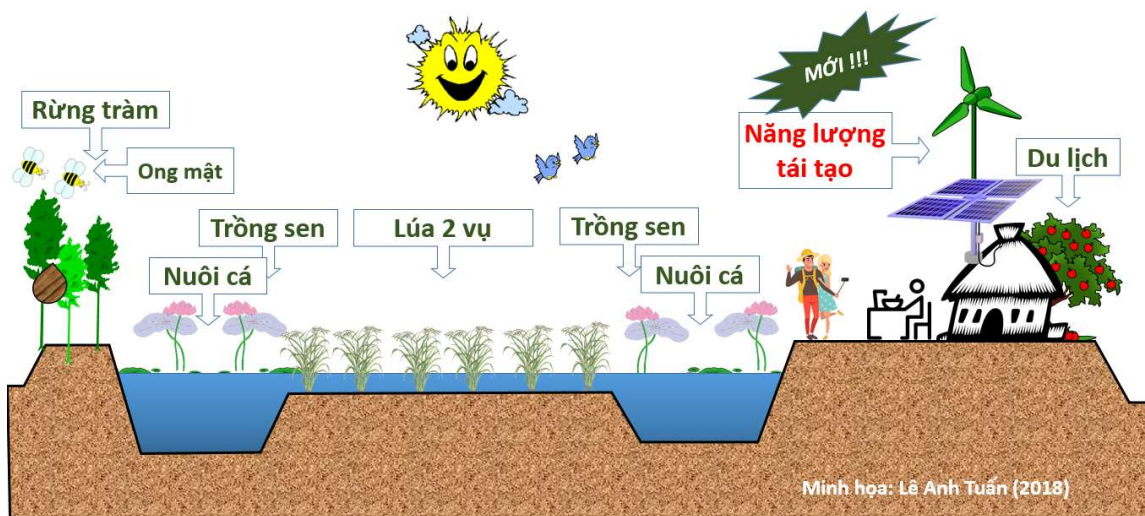
- Mô hình lúa – tôm, mô hình tôm rừng sinh thái ở vùng ven biển ở Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh (Hình 2);
- Mô hình đa canh kết hợp lúa – màu – chăn nuôi trên các vùng giồng cát, vùng nước lợ ở Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre,... (Hình 3);
- Mô hình lúa – màu (sen, rau), lúa – cây ăn trái, kết hợp du lịch ở vùng ngập lũ sâu hoặc lũ nông ở An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long,... (Hình 4).



Hình 2: Mô hình đa canh dưới tán rừng ngập mặn



Hình 3: Mô hình đa canh vùng giồng cát ven biển



Hình 4: Mô hình đa canh ở vùng ngập lũ

## 5. KIẾN NGHỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TINH THẦN NQ120/NQ-CP

Thực tế, người nông dân ở ĐBSCL đã tự tìm những giải pháp thích ứng khá hợp với tinh thần “thuận thiên” nghị quyết 120/NQ-CP. Lúc đầu chỉ là những phát kiến đơn lẻ của một số nông dân tiên tiến, sau được sự hỗ trợ của các nhà khoa học và các tổ chức NGOs, các mô hình này dần được hoàn thiện và mở rộng khá ổn định. Chiến lược phát triển bền vững này trong bối cảnh biến đổi khí hậu hoàn toàn phù hợp với các tiếp cận để thích nghi với hiểm họa thiên nhiên của thế giới hiện nay là “thích nghi và chuyển đổi dần theo theo gian trong bối cảnh có nhiều yếu tố bất định”, đặc biệt là thích ứng dựa vào hệ sinh thái (Ecosystem-based Adaptation - EbA) (Estrella and Saalismaa, 2013; Fabio, 2017) và thích ứng dựa vào các giá trị, cơ chế và kiến thức (Values, Rules and Knowledge - VRK) của cộng đồng trong tiến trình ra quyết định (Gordardd *et al.*, 2016). Việc tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái giúp cộng đồng dân cư chọn lựa các giải pháp thích ứng phù hợp một cách mềm dẻo ứng phó với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, giảm khả năng dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng phục hồi trước thiên tai và bất thường thời tiết, giải pháp này chú trọng bảo tồn và khôi phục các hệ sinh thái, quản lý bền vững, tạo lợi ích cho xã hội và môi trường đồng thời cung cấp các dịch vụ sinh thái bền vững.

Theo cách đó, trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản, cần theo trình tự: (i) tìm các giải pháp khoa học-kỹ thuật sản xuất và hệ thống canh tác thích nghi; (ii) kết hợp giải pháp công trình nhỏ để ít đầu tư và quản lý linh hoạt; (iii) chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp; và (iv) đầu tư công trình lớn hơn để quản lý rủi ro và chấp nhận hy sinh một số yếu tố môi trường – sinh thái. Trong việc đưa ra các quyết định, cần hướng cộng đồng dựa vào những lợi thế về giá trị của địa phương, các thể chế - luật lệ hiện hành có điều chỉnh và các kiến thức bản địa hợp với việc áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiến tiến mà không gây hối tiếc hoặc hối tiếc thấp. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác với các nhà khoa học, chuyên gia kỹ thuật, các tổ chức chính phủ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để cùng nhau chung tay xây dựng và triển khai các hoạt động cụ thể là rất cần thiết để có những tư vấn khách quan và áp dụng những kiến thức mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Estrella, M. & N. Saalismaa (2013). Ecosystem-based Disaster Risk Reduction (Eco-DRR): An Overview. In: Renaud, F., Sudmeier-Rieux, K. and M. Estrella (eds.) *The role of ecosystem management in disaster risk reduction*. Tokyo: UNU Press
- Fabio Rubio Scarano (2017). Ecosystem-based adaptation to climate change: concept, scalability and a role for conservation science. *Perspectives in Ecology and Conservation*, (15,2): 65-73.
- IPCC (2007). *Fourth Assessment Report: Impacts, Adaptation and Vulnerability*. Working Group II report.
- Lê Anh Tuấn (2017). *Biến đổi Khí hậu và Khả năng Thích ứng*. Bài giảng Chương trình Cao học ngành Quản lý Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Đại học Cần Thơ
- Gorddard, R., Colloff, M. J., Wise, R. M., and Dunlop, M. (2017). *Keys to transformation: Interactions of values, rules and knowledge*. <https://i2insights.org/2017/06/20/values-rules-knowledge-and-transformation/>
- Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định 158/2008/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*.
- Thủ tướng Chính phủ (2017). *Nghị quyết 120/NQ-CP về việc phát triển bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng với Biến đổi Khí hậu*.